

ĐỘ BAO PHỦ CỦA CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI THƯỜNG XUYÊN TẠI CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. MAI THỊ QUẾ (*)

ThS. NGUYỄN ĐÌNH THÁI (**)

Tóm tắt: Mục tiêu của chính sách trợ giúp xã hội là hướng đến bao phủ mọi thành viên gặp khó khăn, yếu thế, bảo đảm cho họ có mức sống tối thiểu và hòa nhập cộng đồng. Thời gian qua, nhiều văn bản, chính sách trợ giúp xã hội đã được ban hành, bổ sung, sửa đổi và thực thi trong cuộc sống. Qua sự điều chỉnh về các điều kiện thụ hưởng, đối tượng hưởng lợi của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tăng lên nhanh chóng nhưng vẫn chưa bao phủ hết các đối tượng khó khăn, yếu thế cần trợ giúp. Bài viết phân tích thực trạng mức độ bao phủ theo luật định và theo thực tế của chính sách trợ giúp xã hội so với đối tượng gặp khó khăn cần trợ giúp; qua đó đề xuất những khuyến nghị hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội.

Từ khóa: chính sách trợ giúp xã hội; Thành phố Hồ Chí Minh; trợ giúp xã hội

1. Chính sách trợ giúp xã hội
Trợ giúp xã hội là một trong những hợp phần quan trọng của hệ thống an sinh xã hội và là một trong những tiêu chí được sử dụng để đánh giá sự tiên bộ, công bằng xã hội của một quốc gia. Tuy nhiên, hiện chưa có sự thống nhất trong cách hiểu về trợ giúp xã hội.

Trên thế giới, tác giả Katja Bender và các đồng nghiệp cho rằng: “Trợ giúp xã hội gồm các chính sách và các chương trình bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập cho người nghèo, người yếu thế và các đối tượng khó khăn khác”⁽¹⁾. Ngân hàng Phát triển châu Á định nghĩa: “Trợ giúp xã hội là các chương trình được thiết kế để giúp cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng dễ bị tổn thương có thể duy trì được mức sống tối thiểu và cải thiện được cuộc sống của mình”⁽²⁾.

Ở Việt Nam, tác giả Mai Ngọc Cường cho rằng: “Trợ giúp xã hội là sự bảo đảm và giúp đỡ

(*)Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

(**) Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

của Nhà nước, sự hỗ trợ của nhân dân và cộng đồng quốc tế về thu nhập và các điều kiện sinh sống bằng các hình thức và biện pháp khác nhau đối với các đối tượng bị lâm vào cảnh rui ro, bất hạnh, nghèo đói, thiệt thòi, yếu thế hoặc hăng hụt trong cuộc sống khi họ không đủ khả năng tự lo được cuộc sống tối thiểu của bản thân và gia đình⁽³⁾. Nghiên cứu về trợ giúp xã hội từ góc độ tiếp cận quyền, tác giả Nguyễn Ngọc Toàn đưa ra cách hiểu: "Trợ giúp xã hội là các biện pháp, giải pháp bảo đảm của Nhà nước và xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (người bị thiệt thòi, yếu thế hoặc gặp bất hạnh trong cuộc sống) nhằm giúp họ khắc phục những khó khăn trước mắt cũng như lâu dài trong cuộc sống. Việc bảo đảm này thông qua các hoạt động cung cấp tài chính, vật phẩm, các điều kiện vật chất khác cho đối tượng"⁽⁴⁾.

Từ những cách tiếp cận trên, có thể hiểu trợ giúp xã hội là trách nhiệm của Nhà nước và sự hỗ trợ của cộng đồng, xã hội. Trợ giúp xã hội không dành riêng cho một, hoặc một số đối tượng xã hội mà là bất kỳ ai gặp khó khăn, yếu thế trong cuộc sống cần trợ giúp. Do đó, khái niệm trợ giúp xã hội trong quan điểm nghiên cứu này được hiểu là các biện pháp, giải pháp bảo đảm của nhà nước, sự hỗ trợ của cộng đồng về thu nhập và các điều kiện sinh sống khác với các đối tượng bảo trợ xã hội, nhằm giúp họ khắc phục những khó khăn trước mắt cũng như lâu dài ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

Chính sách trợ giúp xã hội là tổng thể các quan điểm, các biện pháp, công cụ nhà nước sử dụng để giúp các đối tượng khó khăn, yếu thế khắc phục những khó khăn trước mắt cũng như lâu dài ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng. Mục tiêu của chính sách trợ giúp xã hội hướng đến bao phủ mọi thành viên trong xã hội gặp khó khăn, yếu thế cần trợ giúp; các hỗ trợ bảo đảm cho đối tượng bảo trợ xã hội có mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, hòa nhập với gia đình, cộng đồng và xã hội.

Đánh giá chính sách trợ giúp xã hội các tác giả đưa ra các tiêu chí khác nhau, ví dụ Nguyễn Ngọc Toàn đưa ra 05 tiêu chí bao gồm: tính hiệu

lực của chính sách; tính hiệu quả của chính sách; tính công bằng của chính sách; tính kinh tế và tính bền vững của chính sách⁽⁵⁾. Tác giả Nguyễn Trung Hải sử dụng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá chính sách trợ giúp xã hội đối với nhóm yếu thế gồm 03 yếu tố, đó là: *chỉ số bao phủ, chỉ số tác động, chỉ số về nguồn lực*. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến tính hiệu lực hay mức độ bao phủ của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng ở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mức độ bao phủ của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Mục tiêu của chính sách trợ giúp xã hội là hướng đến bao phủ mọi thành viên gặp khó khăn, yếu thế, bảo đảm cho họ có mức sống tối thiểu và hòa nhập cộng đồng. Xét về mục tiêu chính sách, đánh giá tính hiệu lực cũng chính là đánh giá mức độ bao phủ của chính sách đối với những đối tượng gặp khó khăn, yếu thế. Tuy nhiên, chính sách đã bao phủ được hết các đối tượng khó khăn cần trợ giúp hay chưa? Số lượng đối tượng được trợ giúp xã hội so với dân số và so với tổng số đối tượng bảo trợ xã hội hiện nay như thế nào? Ở nội dung này, chúng tôi đánh giá trên hai phương diện: *thứ nhất, mức độ bao phủ theo luật định của chính sách trợ giúp xã hội; thứ hai, mức độ bao phủ thực tế của chính sách so với đối tượng gặp khó khăn cần trợ giúp.*

- *Mức độ bao phủ theo luật định*

Pháp luật Việt Nam về trợ giúp xã hội không giới hạn đối tượng hưởng chế độ trợ giúp xã hội. Mọi thành viên trong xã hội khi rơi vào hoàn cảnh khó khăn phù hợp với những quy định của luật pháp đều được hưởng chế độ trợ giúp xã hội. Điều này đã được thể chế hóa trong chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tính đến nay, Việt Nam có trên 10 bộ luật, luật; 07 pháp lệnh và hơn 30 nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hơn 40 thông tư, thông tư liên tịch và nhiều văn bản chỉ đạo khác trực tiếp hoặc có nội dung quy định khung pháp lý, chính sách là cơ sở, tiền đề cho việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội.

Đối với trợ giúp xã hội, chính sách xác định đối tượng cần được bảo vệ thường xuyên là những người có hoàn cảnh đặc biệt, như không có khả năng tạo thu nhập, hoặc do quá trẻ, hoặc do quá già, hoặc trong độ tuổi lao động nhưng không có khả năng tạo thu nhập do bị tàn tật, ốm đau không thể làm việc, do phải nuôi con đi học hoặc những người nghèo. Qua phân tích hệ thống các văn bản, chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội có thể thấy, hệ thống chính sách trợ giúp xã hội ở Việt Nam đã từng bước được điều chỉnh theo hướng mở rộng diện bao phủ đối tượng thụ hưởng. Ví dụ: Nghị định số 168/2004/NĐ-CP bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2000/NĐ-CP; Nghị định số 13/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; Nghị định số 136/2013/NĐ-CP thay cho Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.

Trong thời gian qua, đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội đã được mở rộng và cập nhật. Trước năm 2000, chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên chỉ bao gồm 03 nhóm đối tượng thụ hưởng, đó là: người già cô đơn; người tàn tật nặng; trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi. Nghị định số 07/2000/NĐ-CP về chính sách cứu trợ xã hội tăng lên 04 nhóm đối tượng thụ hưởng: trẻ em mồ côi; người già cô đơn; người tàn tật nặng; người tâm thần mãn tính; Nghị định số 168/2004/NĐ - CP về bổ sung thêm nhóm trẻ em nhiễm HIV. Đến Nghị định số 67/2007/NĐ-CP về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội có 09 nhóm đối tượng, trong đó các nhóm đối tượng mới được bổ sung là: người cao tuổi (85 tuổi trở lên); người nhiễm HIV/AIDS; hộ gia đình có từ 02 người trở lên tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ; gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi... Nghị định số 13/2010/NĐ-CP mở rộng tới các đối tượng tàn tật nặng không có khả năng lao động không chỉ ở các bộ phận, hạ độ tuổi hưởng trợ cấp xuống còn 80 tuổi... Đến Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên gồm 06 nhóm lớn, bổ sung nhóm người từ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn

nuôi dưỡng đang đi học, và tất cả những người khuyết tật nặng⁽⁶⁾.

Chính sách trợ giúp xã hội được xây dựng theo nguyên tắc “vòng đời” nhằm bảo đảm cho mọi thành viên thuộc mọi lứa tuổi đều có được cơ hội thụ hưởng chính sách. Trẻ em dưới 6 tuổi được hưởng chính sách y tế (sàng lọc trước sinh cho bà mẹ mang thai, bảo hiểm y tế miễn phí, chăm sóc y tế ban đầu (tiêm phòng vắc xin), chính sách giáo dục (miễn giảm học phí); trợ cấp xã hội hàng tháng cho trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng. Người từ 16 đến dưới 60 tuổi được hưởng chính sách y tế (bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo, người không nguồn nuôi dưỡng...), chính sách giáo dục (miễn giảm học phí đối với người nghèo, người không nguồn nuôi dưỡng đang đi học, cho vay học tập với học sinh, sinh viên), trợ cấp tiền mặt hàng tháng với người không có nguồn nuôi dưỡng đang đi học từ 16 - 22 tuổi, người đơn thân nuôi con; chính sách việc làm (cho vay vốn phát triển sản xuất, hỗ trợ tìm việc làm, đào tạo nghề miễn phí cho người nghèo...). Người từ 60 đến dưới 80 tuổi: trợ cấp tiền mặt, bảo hiểm y tế, cho vay vốn phát triển sản xuất, mai táng phí... đối với người neo đơn thuộc hộ nghèo, người đơn thân... Người dân từ 80 tuổi trở lên được trợ cấp tiền mặt, bảo hiểm y tế, mai táng phí cho người không có lương hưu và hưởng các chế độ trợ bảo hiểm xã hội khác⁽⁷⁾. Các chế độ của chính sách đều hướng đến mục tiêu giúp đối tượng bảo trợ xã hội tăng cường năng lực ứng phó với rủi ro, tạo cơ hội phát triển hòa nhập.

- Mức độ bao phủ thực tế

Mức độ bao phủ thực tế của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên được đo bằng *ti lệ phần trăm dân số được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng so với tổng dân số, so với số đối tượng bảo trợ xã hội và với đối tượng khó khăn, yếu thế cần trợ giúp*.

Trên cơ sở chính sách trợ giúp xã hội của Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

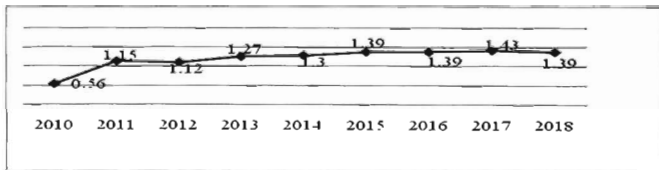
trong từng giai đoạn cụ thể. Theo thống kê tại Thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 08 năm (2010 - 2018), số đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng có sự biến động rất lớn. Năm 2010, Thành phố có 41.092 người hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, đến năm 2018 tăng lên 123.392 người. Mức độ bao phủ của chính sách so với dân số có sự tăng giảm không ổn định. Năm 2010, đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng chiếm tỉ lệ 0,56% dân số, đến năm 2017 tăng lên 1,43% nhưng lại giảm xuống còn 1,39% vào năm 2018. Riêng giai đoạn 2010 - 2012, số đối tượng hưởng chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng tăng rất nhanh đạt tốc độ 46,9%/năm (tốc độ tăng của cả nước là 30,7%/năm). Thời kỳ 2010 - 2012, số đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội cao hơn các giai đoạn khác là do chính sách có những điều chỉnh mở rộng diện đối tượng hưởng lợi, như: với đối tượng trẻ em đã bổ sung một số nhóm được hưởng chính sách;

Về mức độ bao phủ thực tế của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên phân theo từng nhóm đối tượng bảo trợ xã hội:

Cho đến nay, chưa có một nghiên cứu quy mô nào về đối tượng khó khăn cần trợ giúp trên địa bàn Thành phố. Phạm vi bài viết không đủ nguồn lực thực hiện khảo sát toàn bộ dân số Thành phố Hồ Chí Minh để xác định đối tượng khó khăn cần trợ giúp. Tuy nhiên, qua thu thập các số liệu thứ cấp từ nhiều nguồn khác nhau (báo cáo của các sở, ban, ngành; các đề tài, dự án có liên quan đến nội dung cần nghiên cứu và số liệu sơ cấp từ khảo sát định lượng, hội thảo, phỏng vấn sâu của đề tài) có thể khái quát mức độ bao phủ thực tế của chính sách trợ giúp xã hội theo từng nhóm đối tượng hưởng lợi như sau:

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là người dưới 16 tuổi có hoàn cảnh không bình thường về thể chất hoặc tinh thần,

**Đồ thị : Độ bao phủ của chính sách trợ cấp tiền mặt
theo Nghị định số 136/2013/NĐ - CP (tính theo tỉ lệ % dân số Thành phố)**



Nguồn: Tổng hợp báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và Niên giám Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm

điều chỉnh độ tuổi đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội từ 85 tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội xuống 80 tuổi; từ năm 2010 bỏ một số điều kiện (tiêu chí thuộc hộ nghèo đối với nhóm người khuyết tật, người tâm thần) và một số đối tượng, điều kiện khác nên số đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tăng lên. Tuy nhiên, so với các nước tương đồng về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội (có độ bao phủ 3% so với dân số), thì tỉ lệ này ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn khá thấp.

không đủ điều kiện để thực hiện quyền cơ bản và hòa nhập với gia đình, cộng đồng. Điều 10 Luật Trẻ em quy định 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định 11 nhóm trẻ em không may mắn gặp những rủi ro, bất hạnh hay khó khăn trong cuộc sống được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên.

Theo thống kê, tính đến cuối năm 2016, Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 1.482.406 trẻ em (chiếm 17,6% dân số), trong đó 16.838 trẻ

em có hoàn cảnh đặc biệt và trên 62.054 có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, chiếm 4,3% số trẻ em của Thành phố⁽⁸⁾. Tuy nhiên, chỉ có 840 em không có nguồn nuôi dưỡng được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, chiếm 4,9% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và chiếm 0,06% dân số trẻ em toàn Thành phố⁽⁹⁾. Từ số liệu thống kê có thể thấy, độ bao phủ thực tế của chính sách trợ giúp xã hội đối với nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chiếm tỉ lệ rất thấp so với nhu cầu trợ giúp thực tế. Kết quả thảo luận tại hội thảo⁽¹⁰⁾ đã chỉ ra các nhóm trẻ em khó khăn cần trợ giúp như: *trẻ em không có người chăm sóc; trẻ em là con trẻ em, trẻ em có cả bố, mẹ là người khuyết tật; trẻ em hay người không có quốc tịch, giấy tờ tùy thân, hộ khẩu thường trú; người mắc bệnh hiểm nghèo...*

Người nhiễm HIV/AIDS: Hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ước tính có khoảng 48.492 người nhiễm HIV, trong đó chỉ có 244 người được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên, chiếm 0,5% tổng số người nhiễm HIV/AIDS⁽¹¹⁾. Đa số người nhiễm HIV/AIDS không có việc làm ổn định, thu nhập bấp bênh, sức khỏe yếu, chi phí khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe khá lớn khiến đời sống của họ gặp nhiều khó khăn. Nếu so với số người bị nhiễm HIV/AIDS, thì tỉ lệ người nhiễm HIV được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên như hiện nay là rất thấp.

Người cao tuổi: Tính đến cuối năm 2018, Thành phố có 558.866 người từ đủ 60 tuổi trở lên, chiếm 6,5% dân số⁽¹²⁾. Trong đó, có 175.458 người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hưởng chính sách trợ giúp người có công với cách mạng (chiếm 31,4% người cao tuổi Thành phố). Điều đó có nghĩa là có khoảng gần 70% người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội. Nhóm người cao tuổi hưởng các chế độ lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội có cuộc sống ổn định. Bên cạnh đó, một số lượng không nhỏ người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, không có thu nhập, không có khả năng lao động phải sống dựa vào con cháu, người thân. Tuy nhiên, hiện chỉ có 92.723 người

cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng hoặc được nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội của nhà nước (chiếm tỉ lệ 16,6% dân số người cao tuổi). Như vậy, độ bao phủ của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên đối với người cao tuổi là rất thấp. Chính sách cần được sửa đổi, bổ sung để mở rộng đối tượng hưởng lợi cho nhóm người cao tuổi.

Người khuyết tật: Theo thống kê từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 56.644 người khuyết tật (chiếm 0,64% dân số Thành phố), trong đó người khuyết tật đặc biệt nặng là 8.272 người (chiếm 14,6%); người khuyết tật nặng là 34.788 người (chiếm 61,4%)⁽¹³⁾; người khuyết tật nhẹ là 8.887 người (chiếm 15,7%); người khuyết tật chưa được xác định mức độ khuyết tật là 4.697 (chiếm 8,3%). Người khuyết tật thuộc hộ nghèo là: 2.233 người, chiếm tỉ lệ 3,94% tổng số người khuyết tật (trong đó, khuyết tật đặc biệt nặng 391 người, khuyết tật nặng 1.359 người, khuyết tật nhẹ 483 người); số người cao tuổi khuyết tật là: 14.840 người (chiếm 28,4% tổng số người khuyết tật)⁽¹⁴⁾.

Số liệu thống kê cho thấy, Thành phố Hồ Chí Minh có số người khuyết tật khá lớn, nhưng chỉ có 43.060 người khuyết tật được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên, độ bao phủ chiếm 76% tổng số người khuyết tật⁽¹⁵⁾. Hiện vẫn còn một tỉ lệ khá lớn (24%) người khuyết tật chưa được thụ hưởng chính sách, trong đó có 8,3% người khuyết tật chưa được xác định mức độ khuyết tật và 15,7% người khuyết tật mức độ nhẹ.

Theo quy định hiện hành, chỉ những người khuyết tật được xác định mức độ đặc biệt nặng và nặng mới thuộc diện hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên. Theo kết quả phỏng vấn sâu và hội thảo tham vấn ý kiến chuyên gia, nhiều ý kiến cho rằng, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho những người khuyết tật mức độ nhẹ hoặc thay đổi tiêu chí xác định mức độ khuyết tật nhằm xác định mức độ khuyết tật phù hợp hơn với tình chất của từng dạng khuyết tật cụ thể. Bởi, với nhiều trường hợp người khuyết tật được xác định ở mức độ nhẹ, như cụt một chân

hoặc cụt các ngón tay... thì cũng gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt và tìm việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội (giao thông, giáo dục...) hơn những người bình thường khác.

3. Kết luận và khuyến nghị chính sách

Chính sách trợ giúp xã hội ở Việt Nam được xây dựng theo nguyên tắc “vòng đời” để bảo đảm cho mọi thành viên trong xã hội thuộc mọi lứa tuổi gặp khó khăn đều có cơ hội thụ hưởng chính sách. Các quy định đã được điều chỉnh theo hướng cắt giảm điều kiện kèm theo, mở rộng các đối tượng thụ hưởng, số lượng đối tượng chính sách tăng lên. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn nhiều quy định về tiêu chí và điều kiện quá chặt chẽ, cứng nhắc nên người dân ít được tiếp cận. Hiện còn nhiều nhóm cư dân yếu thế cần trợ giúp, nhưng chưa được đưa vào diện thụ hưởng chính sách. So với các nước cùng điều kiện phát triển kinh tế - xã hội có mức bao phủ trợ giúp xã hội chiếm khoảng từ 2,5 - 3% dân số thì tỉ lệ bao phủ của trợ giúp xã hội thường xuyên ở Thành phố Hồ Chí Minh đạt 1,43% như hiện nay vẫn còn một khoảng cách rất xa.

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có gắng trong xây dựng và hoàn thiện nội dung chính sách trợ giúp xã hội. Các nghị định, từ Nghị định số 07/2000/NĐ-CP đến Nghị định số 136/2013/NĐ-CP đã được điều chỉnh theo hướng cắt giảm các điều kiện kèm theo, mở rộng phạm vi đối tượng thụ hưởng, diện bao phủ ngày càng lớn và đối tượng thụ hưởng chính sách ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, mức độ bao phủ theo luật định của chính sách trợ giúp xã hội, một mặt, còn chưa toàn diện, “bỏ sót” nhiều nhóm đối tượng khó khăn cần trợ giúp; mặt khác, lại quá dàn trải cho những nhóm đối tượng không thực sự khó khăn. Độ bao phủ thực tế của chính sách còn thấp, từng nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội có sự chênh lệch rất lớn và tập trung nhiều hơn ở nhóm đối tượng người khuyết tật và người cao tuổi, trong khi nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người nhiễm HIV có tỉ lệ bao phủ khá thấp. Nếu đối tượng có nhu cầu được trợ giúp và so với dân số thì độ bao phủ của chính sách

trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng ở Thành phố Hồ Chí Minh còn rất thấp.

Để thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cần thực hiện *một số giải pháp* sau:

Thứ nhất, nâng cao vai trò của cơ quan quản lý nhà nước, như Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh và chính sách trợ giúp xã hội. Đồng thời, tăng cường vai trò, chức năng quản lý nhà nước, nhất là công tác tham mưu, đề xuất chính sách thanh tra, kiểm tra, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền giải quyết các bất cập, hạn chế. Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội tiếp tục quan tâm hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về người cao tuổi, người khuyết tật nhằm đáp ứng với thực trạng già hóa dân số, gia tăng số lượng người khuyết tật và các dạng dị tật mới; những đối tượng cần bảo trợ xã hội khác; quan tâm hơn trong việc quyết định phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm dành cho công tác này. Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng mức trợ cấp xã hội trong mối tương quan với chuẩn nghèo, đồng bộ với quá trình thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội; sớm nâng mức trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật thuộc diện bảo trợ xã hội phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước và đời sống của đối tượng, công bằng nhưng không cao bằng.

Thứ hai, tăng cường hoạt động quản lý nhà nước đối với các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập. Theo đó, Nhà nước cần rà soát lại cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động và chức năng nhiệm vụ để bảo đảm hoạt động theo quy định; đồng thời, tổ chức khảo sát đánh giá lại chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc thành lập mới các cơ sở (cần bảo đảm đúng điều kiện, năng lực trong hoạt động bảo trợ xã hội).

Thứ ba, tăng cường công tác xã hội hóa trong hoạt động bảo trợ xã hội nhằm huy động sự tham gia, phối hợp của các hội, quỹ, tổ chức đoàn thể, tạo thành phong trào rộng khắp, với tinh thần trách nhiệm không chỉ của Nhà nước, mà cả

cộng đồng xã hội cùng tham gia chia sẻ, thể hiện sự quan tâm thật sự trước các vấn đề xã hội tại địa phương. Trong đó, cần khơi dậy và phát huy vai trò của các doanh nghiệp trong công tác thực hiện chính sách xã hội với cộng đồng.

Thứ tư, Nhà nước và chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh cần tiếp tục quan tâm thiết thực đối với đội ngũ làm công tác chính sách xã hội. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các trung tâm bảo trợ xã hội cần được đào tạo, bồi dưỡng về chính sách, pháp luật, những kỹ năng cần thiết để phục vụ công tác; sát hạch, đánh giá lại đội ngũ này để bảo đảm đủ phẩm chất và năng lực□

⁽¹⁾ Mai Ngọc Cường, *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.61

⁽²⁾ và ⁽³⁾ Nguyễn Ngọc Toàn, *Chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên cộng đồng ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2014, tr.13

⁽⁴⁾ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo số 30921/BC-SLĐTBXH ngày 02/12/2016 về Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em

⁽⁵⁾, ⁽¹¹⁾ và ⁽¹²⁾ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo số 32039/BC-SLĐTBXH-XH ngày 28/11/2018 về thực hiện công tác bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

⁽¹⁰⁾ Hội thảo đề tài: "Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh", Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18/4/2019

⁽¹¹⁾ <https://tbanbnien.vn/suc-khoe/so-nguoi-duoc-phat-hien-nhiem-hiv-tai-tphcm-tang-988504.html>.

⁽¹²⁾ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo công tác Người cao tuổi năm 2018

⁽¹⁴⁾ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo kết quả thực hiện công tác trợ giúp người khuyết tật năm 2018 và kế hoạch thực hiện năm 2019

⁽¹⁾, ⁽⁶⁾ và ⁽⁷⁾ Viện Khoa học Lao động và Xã hội, *Đánh giá thực trạng và đề xuất đổi mới hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2015 - 2020*, Hà Nội, 2014, tr.18

⁽²⁾ Nguyễn Hải Hữu, *Nhập môn An sinh xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.16-17

YÊU CẦU CẤP THIẾT ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG...

(tiếp theo trang 47)

rất to lớn, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là cuộc chiến đấu không lờ để chống lại những hư hỏng, cũ kỹ, tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Cuộc chiến đấu không lờ này đang đòi hỏi Đảng phải là một đảng đạo đức. Vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, khi đất nước đang tiếp tục mở cửa, hội nhập quốc tế, năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam càng bị thử thách ngặt nghèo. Đạo đức của Đảng sẽ là cái chất căn bản cho mọi thắng lợi. Đó là yêu cầu rất cấp thiết để Đảng luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn, trong đó cần coi trọng xây dựng Đảng về đạo đức cách mạng□

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.403

⁽²⁾ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.317

⁽³⁾ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.44

⁽⁴⁾, ⁽⁹⁾ và ⁽¹⁰⁾ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr. 292-293, 303 và 301 - 302

⁽⁵⁾ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.601

⁽⁶⁾ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.611- 612

⁽⁷⁾ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.50

⁽⁸⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.125

⁽¹¹⁾ Những nhận định này được rút từ cuốn Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.125